

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-3-2025

V/v tranh chấp “Ly hôn,
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Mai Huy Mân;

- Bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 542/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Thanh T, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, anh Trần Thanh T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Hồng T1 đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian quen nhau khoảng 01 năm thì tổ chức đám cưới năm 2018. Hai bên đăng ký kết hôn vào ngày 25-6-2019 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, vợ chồng sống cùng gia đình anh, đến khoảng tháng 9-2019 sau khi đã sinh con xong thì chị H trở về sống cùng cha mẹ vợ đến nay không trở về. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 1,5 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, hai bên

có ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng không giải quyết được, rồi chị H trở về sống cùng cha mẹ ruột, không xảy ra cự cãi hay đánh nhau. Từ khi chị H đi, vợ chồng anh không có biện pháp gì để hàn gắn. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể đoàn tụ được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 01 con là cháu Trần T2, sinh ngày 23-4-2019, anh đồng ý giao cho chị H trực tiếp nuôi, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Thị H tranh chấp về ly hôn; chị H cư trú tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Nguyên đơn, anh Trần Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn, chị Nguyễn Thị H không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh T, chị H.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Thị H là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 25-6-2019. Theo anh T, anh và chị H tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi cưới sống hạnh phúc được khoảng 1,5 năm thì chị H trở về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn được anh T nêu là do không hòa hợp tính tình. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn do anh T nêu, nhưng chị H không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Chị H cũng không đến Tòa để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó cho thấy chị H đã không còn quan tâm đến hôn nhân với anh T; vợ chồng đã không còn chung sống một thời gian dài, hiện không có khả năng đoàn tụ. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*” và “*vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*”. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa anh T

và chị H đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Theo lời trình bày và tài liệu chứng cứ do anh T giao nộp thể hiện anh T và chị H có 01 con chung là cháu Trần T2, sinh ngày 23-4-2019. Anh T đồng ý giao cho chị H trực tiếp nuôi, anh không cấp dưỡng, chị H không có ý kiến gì phản đối yêu cầu của anh T và cũng không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp, việc cấp dưỡng chị H không yêu cầu nên chưa xét đến, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết sau.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh T đều không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết sau bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Anh Trần Thanh T là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh T.

- Về hôn nhân: Cho anh Trần Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Giao cháu Trần T2, sinh ngày 23-4-2019 cho chị Nguyễn Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh Trần Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H chưa yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Anh Trần Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002564 ngày 04-11-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như đã thi hành xong.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Trần Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã LT, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực